

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2023/DSST  
Ngày: 18 -12 - 2023  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TRÀ VINH**

***-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:  
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Hồng Tân  
Các Hội thẩm nhân dân:***

Bà Trang Thị Huỳnh Phương

Bà Thi Thị Thanh Trúc

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Huệ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Trường, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2023/QĐXX- ST, ngày 01 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự.

***- Nguyên đơn:*** Bà Thạch Thị Tuyết P, sinh 1972 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Hương Phụ C, xã Đa Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

***- Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị H, sinh 1979 (có mặt)

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Nguyễn Văn T, sinh 1974 (vắng mặt có lý do).

Cung địa chỉ: ấp Giồng Lúc, xã Đa Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2023 và lời khai tại tòa nguyên đơn bà Thạch Thị Tuyết P trình bày: Nguyên trước đây bà Nguyễn Thị H có thỏa thuận vay của bà nhiều lần, cụ thể như sau:

Ngày 10/7/2022 AL, (nhằm ngày 07/8/2022 DL) bà Nguyễn Thị H hỏi vay của bà số tiền 409.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 03%/tháng, thời hạn vay

không quy định, mục đích vay làm kinh tế gia đình. Sau đó ngày 10/12/2022 AL (nhằm ngày 03/01/2023 DL) bà H hỏi vay thêm của bà số tiền 38.400.000 đồng. Cộng chung hai khoản nợ là 447.400.000 đồng.

Nay bà Thạch Thị Tuyết P yêu cầu bà Nguyễn Thị H và chồng ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm trả nợ cho bà số tiền gốc là 447.400.000 đồng và phần lãi phát sinh tính từ ngày 10/01/2023 đến ngày 01/6/2023 là 37.134.200 đồng.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:* Từ năm 2017 đến nay bà có vay, mượn tiền của bà Thạch Thị Tuyết P nhiều lần cộng chung là 447.400.000 đồng, lãi suất thỏa thuận từ 03%/tháng, thời hạn vay không quy định. Sau khi vay bà có trả lãi đầy đủ cho bà P theo từng vụ lúa. Do em bà làm ăn thất bại nên bà không có khả năng trả vốn và lãi cho bà P cả năm 2023. Hiện bà còn nợ bà P số tiền gốc 447.400.000 đồng và phần lãi phát sinh.

Nay bà Nguyễn Thị H yêu cầu xin trả nợ dần hàng tháng cho bà P, hình thức trả mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Bà H xin bà P bỏ phần tiền lãi 37.134.200 đồng.

*Ông Nguyễn Văn T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:* Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2023 ông Nguyễn Văn T khai việc bà Nguyễn Thị H vợ ông có vay, mượn tiền của bà Thạch Thị Tuyết P ông không có liên can, bà P với bà H làm gì thì làm ông không biết.

Quan điểm của Kiểm sát viên về tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, nhận thấy: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự; thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và T cách pháp lý của người tham gia tố tụng.

Về thủ tục hòa giải, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng.

Nguyên đơn, bị đơn người có liên quan thực hiện quyền nghĩa vụ đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa bà H thừa nhận có vay mượn nợ của bà Thạch Thị Tuyết P 447.400.000 đồng, do em bà làm ăn thất bại nên trong năm 2023 bà không có trả lãi cho bà P. Nay bà H xin bà P bỏ phần lãi, bà xin trả vốn gốc cho bà P 3.000.000 đồng/tháng đến khi dứt nợ.

Riêng đối với ông Nguyễn Văn T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông cố tình vắng mặt không rõ lý do. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2023 ông cho rằng việc vay, mượn nợ giữa bà H vợ ông với bà P ông không có liên can, bà P với bà H làm gì thì làm ông không biết. Việc bà

H, ông T vay mượn nợ của bà P chính quyền địa phương đều biết nhưng không biết số nợ bao nhiêu. Tại phiên tòa hôm nay bà P xin rút lại yêu cầu khởi kiện phần lãi suất 37.134.200 đồng là tự nguyện, có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 26 Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Áp dụng Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Tuyết P.

Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà Thạch Thị Tuyết P số tiền 447.400.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất của bà Thạch Thị Tuyết P.

Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

Tại phiên tòa hôm nay bà Thạch Thị Tuyết P xin rút lại yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất 37.134.200 đồng, bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu không có thay đổi bổ sung, sửa chữa gì thêm.

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn, bị đơn có mặt. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] *Về quan hệ pháp luật*: Vụ án tranh chấp hợp đồng vay, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Nhận thấy; theo lời trình bày của bà Thạch Thị Tuyết P, bà với bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T là bạn thân ở cùng xóm, do có nhu cầu cần tiền làm kinh tế gia đình, ngày 10/7/2022 AL (nhằm ngày 07/8/2022 DL) bà H có hỏi vay của bà P số tiền 409.000.000 đồng, sau đó ngày 10/12/2022 AL (nhằm 03/01/2023 DL) bà H hỏi vay thêm của bà P số tiền 38.400.00 đồng, cộng chung hai khoản là 447.400.000 đồng. Bà H có viết giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ cho bà P đúng như thỏa thuận nếu sai bà H hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, nhưng đến nay bà Nguyễn Thị H không chịu trả nợ cho bà P.

[4] Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị H thừa nhận có vay tiền của bà P nhiều lần cộng chung là 447.400.000 đồng. Nhưng bà nại ra do em bà làm ăn bị thua lỗ bà không có khả năng trả vốn và lãi cho bà P. Bà H yêu cầu xin trả nợ dần

hàng tháng cho bà P, hình thức trả nợ 3.000.000 đồng/tháng đến khi dứt nợ. Riêng đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2023 ông T khai việc bà H vợ ông vay, mượn nợ của bà P ông không có liên can, bà P với bà H làm gì thì làm, ông không biết.

Hội đồng xử án xét thấy, lời nại ra và yêu cầu của bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T là không có căn cứ chấp nhận. Vì theo lời khai của bà Nguyễn Thị H việc vay, mượn tiền của bà Thạch Thị Tuyết P bắt đầu từ năm 2017 trong thời kỳ hôn nhân tồn tại, mục đích vay sử dụng chung để làm kinh tế gia đình do đó ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Nguyễn Thị H về số nợ trên.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nội dung vụ án, phù hợp với quy định pháp luật có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và giấy cam kết trả nợ ngày 09/11/2022

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Tuyết P.

Bác lời nại ra và yêu cầu của bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T.

Căn cứ Điều 463, 466, khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà Thạch Thị Tuyết P số tiền 447.400.000 đồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về phần tiền lãi 37.134.200 đồng của bà Thạch Thị Tuyết P

[5] **Về án phí:** Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T phải nộp 21.896.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Thạch Thị Tuyết P số tiền nộp tạm ứng án phí 11.691.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

*Bởi các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Tuyết P.

Bác lời nại ra và yêu cầu của bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T.

Tuyên xử: Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà Thạch Thị Tuyết P số tiền 447.400.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu xin rút lại yêu cầu khởi kiện phần tiền lãi của bà Thạch

Thị Tuyết Phương.

Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Tuyết P về phần lãi suất 37.134.200 đồng.

**Về án phí:** Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T phải nộp 21.986.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Thạch Thị Tuyết P số tiền nộp tạm ứng án phí 11.691.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0018643, ngày 21/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự Tổng ứng với thời gian chưa thi hành án.

Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú, để xin Tòa án cấp trên xét xử lại phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Diệp Hồng Tân

